

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/DS-ST

Ngày: 26/01/2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đức;

2. Bà Diệp Thị Thu Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Công Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Đáng Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: **158/ 2021/ TLST- DS ngày 23/11/2021 về việc "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"** theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 218/2021/QĐXXST-DS ngày 24/12/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2022/QĐST-DS ngày 10/01/2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thanh D, sinh năm 1979 (Có mặt)**

Địa chỉ: Ấp Hòa Đông, thị trấn Phú Hòa, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Số điện thoại: 0913.655.896

*** Bị đơn: Bà Lê Thị B, sinh năm 1971 (Vắng mặt)**

Địa chỉ: Ấp Kinh Đào, xã Phú Thuận, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thanh D trình bày: Ngày 19/10/2019 Âm lịch (AL) nhằm ngày 07/11/2019 Dương lịch (DL), bà Nguyễn Thanh D có cho bị đơn là bà Lê Thị B vay số tiền 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*), hai bên giao tiền và có

làm biên nhận cùng ngày 19/10/2019 (AL), bà B vay tiền sử dụng vào mục đích mua bán, 02 chữ ký “Bích” và chữ viết họ tên “Lê Thị Bích” ghi trong biên nhận là của bà B tự ký và viết. Nội dung biên nhận nợ ngày 19/10/2019 (AL) chỉ ghi bà B có nợ bà D số tiền là 30.000.000 đồng nhưng hai bên có thỏa thuận miệng thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất là 3%/tháng. Từ ngày vay đến nay, bà B chỉ trả tiền lãi được 02 lần tổng cộng là 1.000.000 đồng (mỗi lần là 500.000 đồng), cụ thể: tháng 11/2019 (AL) trả lãi được 500.000 đồng, tháng 12/2019 (AL) trả lãi được 500.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện, bà D yêu cầu bị đơn bà Lê Thị B trả cho bà số tiền nợ vốn gốc là 30.000.000 đồng (*ba mươi triệu đồng*) và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 19/11/2019 (AL) nhằm ngày 14/12/2019 (DL) đến khi kết thúc vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thanh D tự nguyện làm tròn thời gian yêu cầu tính lãi là 25 tháng và tự nguyện trừ số tiền 1.000.000 đồng mà bị đơn bà B đã đóng cho bà vào tiền lãi mà bà yêu cầu bị đơn phải trả theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Lê Thị B đã được Tòa án thực hiện việc cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để bà thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình cũng như trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, nhưng bà B (Tám Búa) vẫn vắng mặt không tham gia tố tụng và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình nên không ghi nhận được ý kiến của bà.

Đại diện Viện kiểm sát Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà B trả cho bà D số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật là 10%/năm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn có địa chỉ cư trú trên địa bàn huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa bị đơn bà Lê Thị B đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà B.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thanh D thấy rằng: Biên nhận nợ ngày 19/10/2019 AL nhằm ngày 07/11/2019 (DL) do bà D xuất trình có chữ ký của bị đơn bà Lê Thị B, bà B không có ý kiến gì đối với biên nhận nợ này nên việc bà B còn nợ bà D số tiền 30.000.000 đồng là có thật và theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là việc không cần phải chứng minh, có cơ sở xác định giữa bà D và bà B có xác lập hợp đồng vay tài sản. Hợp đồng vay này của bà D và bà B, là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự giao kết hợp đồng, xác lập trên cơ sở tự nguyện, nội dung không vi phạm điều cấm và không trái pháp luật; hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên hợp đồng này là hợp pháp theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, các bên phải thực hiện đúng nghĩa vụ của mình đã giao kết. Xét thấy, bà B đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ của bên vay nên bà D khởi kiện yêu cầu bà B trả tiền vốn 30.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi đối với số nợ gốc là 30.000.000 đồng theo quy định của pháp luật tính từ ngày 19/11/2019 (AL) nhằm ngày 14/12/2019 (DL) đến khi kết thúc vụ án. Xét thấy đến hạn trả nợ bên vay bà B không trả được nợ nên bên cho vay là bà D có quyền yêu cầu bà B ngoài việc thanh toán nợ gốc còn phải trả thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 463 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nguyên đơn bà D trình bày lãi suất vay thỏa thuận miệng giữa hai bên là 3%/tháng, thời hạn trả 01 tháng, tuy nhiên trong biên nhận nợ không ghi nhận việc bà D và bà B có thỏa thuận về lãi suất cũng như không có thỏa thuận thời hạn trả cuối cùng nên không thể xác định chính xác mức lãi suất hai bên thỏa thuận cũng như thời hạn trả cụ thể. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay có lãi nhưng không rõ mức lãi suất và là hợp đồng vay không kỳ hạn. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì với trường hợp trên lãi suất được xác định bằng 50%/năm mức lãi suất cho vay giới hạn tại thời điểm trả nợ là 20%/năm, tương đương với mức lãi suất là 10%/năm (0,83%/tháng); Theo quy định tại khoản 2 Điều 469 thì nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 19/11/2019 (AL) nhằm ngày 14/12/2019 (DL) đến ngày xét xử (ngày 26/01/2022) là 02 năm 01 tháng 24 ngày là có căn cứ. Bên cạnh đó, bà D thừa nhận từ ngày vay đến nay bà B đã đóng lãi được 02 lần vào tháng 11/2019 AL (không nhớ rõ ngày) và tháng 12/2019 AL (không nhớ rõ ngày) với tổng số tiền là 1.000.000 đồng (mỗi lần đóng 500.000 đồng). Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thanh D tự nguyện trừ số tiền 1.000.000 đồng này vào nợ lãi bà B phải đóng cho bà D và tự nguyện làm tròn thời gian tính lãi là 25 tháng. Xét thấy, sự tự nguyện này của bà D không trái quy định

của pháp luật và đạo đức xã hội và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của bà D. Do đó, yêu cầu tính lãi của bà D là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, số tiền lãi bà B phải đóng cho bà D là 6.250.000 đồng ($30.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 25 \text{ tháng}$) – 1.000.000 đồng = 5.250.000 đồng.

Tổng số tiền vốn và lãi bà B phải trả cho bà D là 35.250.000 đồng (trong đó vốn gốc là 30.000.000 đồng, lãi là 5.250.000 đồng).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí là 5% giá ngạch giá trị tài sản tranh chấp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị về giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án.

[5] Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 468 và khoản 2 Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn bà Lê Thị B có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thanh D tổng số tiền vốn vay và lãi là 35.250.000 đồng (*ba mươi lăm triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng*), trong đó: vốn gốc là 30.000.000 đồng, lãi là 5.250.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Lê Thị B phải nộp 1.762.500 đồng (*một triệu, bảy trăm sáu mươi hai ngàn, năm trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn bà Nguyễn Thanh D không phải chịu án phí nên được nhận lại 750.000 đồng (*bảy trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008725 ngày 23 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Cẩm Xuyên